| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠNH PHÚ**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2024
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Cẩm Nhung
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Lê Thành Chì
2. Ông Nguyễn Văn Sơn

*- Thư ký phiên tòa*: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: 22/6 ấp AT, xã AT, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn*: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: 76/1 ấp AĐ, xã AN, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, Đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn Đ kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã AN, huyện T, tỉnh B và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2016, hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống chị L và anh Đ có 02 con chung: Lê Nguyễn Quốc H, sinh ngày 28/3/2018 và Lê Nguyễn T, sinh ngày 19/01/2021.

Nguyên nhân chị L yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Đ là do thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Khi vợ chồng còn sống chung anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập chị L. Chị L đã đưa hai con về nhà mẹ chị L ở xã An Thạnh sống từ năm

2022. Khi chị L và anh Đ không còn chung sống với nhau thì anh Đ không thường xuyên tới lui thăm nom chăm sóc con, không yêu thương, chăm sóc con. Anh Đ thường xuyên đe doạ đánh đập chị L. Từ khi vợ chồng không còn sống chung khoảng 02 năm nay anh Đ chỉ có cấp dưỡng nuôi con được 5 triệu đồng/ 02 năm. Từ khi chị L và anh Đ không còn sống chung cha mẹ hai bên không có tổ chức cho chị L và anh Đ hàn gắn với nhau.

Do tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, hôn nhân không hạnh phúc nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Đ. Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Lê Nguyễn Quốc H, sinh ngày 28/3/2018 và Lê Nguyễn T, sinh ngày 19/01/2021, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị L trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Bị đơn anh Lê Văn Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.*

**Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm*:***

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét lời trình bày của chị L cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng trong thời gian chung sống chị và anh Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa anh chị L và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, Đ sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị L, chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Đ nên đây là tranh chấp "ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Lê Văn Đ cư trú tại số 76/1 ấp AĐ, xã AN, huyện T, tỉnh B, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về tố tụng: chị L, anh Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Xét điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị L và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban

nhân dân xã AN, huyện T cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 11/10/2016. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị L cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Đ đã trải qua khoảng thời gian mất hạnh phúc từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân, hiện không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Đối với anh Lê Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Đ cho thấy nội dung mà chị L đã trình bày về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Đ là có căn cứ chấp nhận. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh Đ đã đến mức trầm trọng, Đ sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp.

[3.2] Về con chung: con chung Lê Nguyễn Quốc H, sinh ngày 28/3/2018 và Lê Nguyễn T, sinh ngày 19/01/2021 hiện đang sống cùng chị L và chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy chị L có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng cháu H và cháu T để con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Vì vậy giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời ghi nhận việc anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Anh Đ không có lời trình bày về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị L và anh Đ được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[4] Về án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

**Tuyên xử**:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Ghi nhận việc chị L và anh Đ không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: chị L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Nguyễn Quốc H, sinh ngày 28/3/2018 và Lê Nguyễn T, sinh ngày 19/01/2021 và ghi nhận việc anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị L trình bày không có và không yêu cầu giải quyết; anh Đ không có lời trình bày về vấn đề này nên không xem xét giải quyết. Chị L và anh Đ được quyền khởi kiện yêu cầu về việc giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000018 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- UBND xã An Nhơn;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Cẩm Nhung**